

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày: 31 tháng 12 năm 2016
Chưa hợp nhất

Đơn vị tính : Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,926,571,867,506	1,715,681,170,482
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	20,270,038,316	10,498,978,823
1. Tiền	111		15,500,038,316	10,498,978,823
2. Các khoản tương đương tiền	112		4,770,000,000	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.13	900,000,000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.13	900,000,000	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		671,383,573,137	358,571,806,621
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2a	440,755,277,070	251,470,219,508
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	118,472,542,937	82,125,352,147
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	22,122,378,107	1,485,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	131,065,050,654	54,508,457,636
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(41,031,675,631)	(31,017,222,600)
IV. Hàng tồn kho	140		1,191,328,032,556	1,307,194,200,243
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1,191,596,438,065	1,308,854,740,852
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.7	(268,405,509)	(1,660,540,609)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		42,690,223,497	39,416,184,795
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	8,544,284,426	5,920,577,747
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		34,145,939,071	33,495,607,048
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,023,097,027,878	1,395,938,723,538
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		258,035,051,708	12,427,209,036
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2b	246,750,000,000	
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	11,285,051,708	12,427,209,036
II. Tài sản cố định	220		418,895,787,380	430,378,579,553
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	134,550,025,449	136,340,194,728
- Nguyên giá	222		468,119,605,061	418,753,621,475
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(333,569,579,612)	(282,413,426,747)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	73,421,400,812	80,341,191,183
- Nguyên giá	225		103,584,393,324	114,597,109,234
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(30,162,992,512)	(34,255,918,051)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	210,924,361,119	213,697,193,642
- Nguyên giá	228		215,716,373,091	215,658,800,425
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(4,792,011,972)	(1,961,606,783)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		116,063,466,406	110,011,543,052
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	116,063,466,406	110,011,543,052
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		191,189,591,655	794,334,307,328

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	39,499,104,000	39,499,104,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.13	12,000,000,000	624,900,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.13	166,304,000,000	215,325,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.13	(26,613,512,345)	(85,389,796,672)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		38,913,130,729	48,787,084,569
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	38,913,130,729	48,787,084,569
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2,949,668,895,384	3,111,619,894,020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1,630,100,504,350	1,858,420,392,527
I. Nợ ngắn hạn	310		1,505,914,185,507	1,612,012,426,487
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	205,866,534,104	223,426,729,419
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	81,713,870,581	7,730,469,599
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	12,497,871,307	3,680,719,343
4. Phải trả người lao động	314	V.17	17,943,520,172	22,690,688,262
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	8,454,318,481	6,513,667,777
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	29,866,376,255	62,327,153,876
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	1,148,798,457,629	1,284,436,848,631
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	773,236,978	1,206,149,580
II. Nợ dài hạn	330		124,186,318,843	246,407,966,040
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	124,186,318,843	246,407,966,040
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,319,568,391,034	1,253,199,501,493
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,319,568,391,034	1,253,199,501,493
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	660,000,000,000	660,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		660,000,000,000	660,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	611,965,459,100	611,965,459,100
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415	V.22	(27,417,629,848)	(27,417,629,848)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	75,020,561,782	8,651,672,241
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8,651,672,241	8,651,672,241
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		66,368,889,541	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2,949,668,895,384	3,111,619,894,020

An Giang, ngày 02 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

P. Tổng Giám Đốc

Huỳnh Thị Kim Hoa

Lê Tiến Dũng

Nguyễn Duy Nhật



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chưa hợp nhất

Quý 04/2016

Đơn vị tính : Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 04		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	7	8
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	760,330,522,303	685,531,470,114	2,829,505,994,484	2,498,117,829,458
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	4,048,651,877	7,873,753,709	21,050,080,302	19,145,025,303
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		756,281,870,426	677,657,716,405	2,808,455,914,182	2,478,972,804,155
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	684,220,982,071	572,524,955,325	2,507,797,468,793	2,129,550,153,255
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		72,060,888,355	105,132,761,080	300,658,445,389	349,422,650,900
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	36,113,016,036	19,305,865,071	68,438,940,976	48,582,334,936
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	29,595,020,707	94,284,674,617	93,968,849,766	181,331,589,437
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		18,428,257,908	21,414,778,815	74,418,459,112	79,878,032,012
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	37,763,075,650	38,304,505,107	123,292,265,723	139,166,117,697
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	20,808,431,213	15,336,381,831	63,190,080,497	65,107,696,333
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		20,007,376,821	(23,486,935,404)	88,646,190,379	12,399,582,369
11. Thu nhập khác	31	VI.8	832,283,166	1,209,833,187	3,553,707,399	9,478,634,293
12. Chi phí khác	32	VI.9	(381,833,853)	192,772,244	14,129,992,337	13,057,257,588
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1,214,117,019	1,017,060,943	(10,576,284,938)	(3,578,623,295)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		21,221,493,840	(22,469,874,461)	78,069,905,441	8,820,959,074
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.16	(555,138,769)	(3,689,047,713)	11,701,015,900	2,891,086,208
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51-52)	60		21,776,632,609	(18,780,826,748)	66,368,889,541	5,929,872,866
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					
9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Người lập biểu


Kế toán trưởng

An Giang, ngày 02 tháng 02 năm 2017

P. Tổng giám đốc

Huỳnh Thị Kim Hoa

Lê Tiến Dũng


 Nguyễn Duy Nhứt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Áp dụng theo phương pháp trực tiếp)

Quý 04/2016

(Chưa hợp nhất)

Đvt : VND

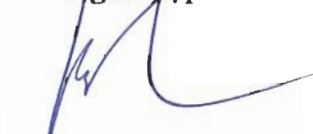
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm này	Năm trước
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		2,742,754,047,425	2,596,815,085,792
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1,015,404,337,599)	(1,570,224,728,104)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03		(134,852,548,543)	(147,105,543,336)
4 Tiền lãi vay đã trả	04		(64,772,419,789)	(59,352,240,977)
5 Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	-
5 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		576,557,789,616	1,603,148,999,894
6 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(643,959,767,381)	(1,328,174,517,690)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1,460,322,763,729	1,095,107,055,579
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21		-	-
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22		-	-
1 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(19,734,276,760)	(118,000,000)
2 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4,740,000,000	35,446,113,529
3 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(50,538,000,000)
4 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		170,520,120,000	5,697,120,000
5 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		37,778,851,665	12,307,890,905
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		193,304,694,905	2,795,124,434
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2 Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của công ty	32		-	-
1 Tiền thu từ đi vay	33		2,960,293,771,874	3,360,453,241,166
2 Tiền trả nợ gốc vay	34		(4,553,244,444,358)	(4,410,990,685,821)
3 Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(26,490,712,288)	(21,828,605,611)
4 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(30,024,862,156)	(24,241,644,325)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1,649,466,246,928)	(1,096,607,694,591)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		4,161,211,706	1,294,485,422
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		10,498,978,823	5,981,177,965
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		5,609,847,787	3,223,315,436
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70		20,270,038,316	10,498,978,823

An Giang, ngày 02 tháng 02 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

P. Tổng Giám Đốc


 Huỳnh Thị Kim Choa


 Lê Tiến Dũng


 Nguyễn Duy Nhứt

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, chế biến.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Nuôi cá; Sản xuất bao bì giấy; In bao bì các loại; Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; Chế biến dầu cá và bột cá; Mua bán cá, thủy sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH một thành viên Ân Độ Dương	Khu công nghiệp Thốt Nốt, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.	Gia công chế biến thủy sản, mua bán thực phẩm	100%	100%	100%
Công ty TNHH thủy sản Biển Đông	19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.	Kinh doanh thủy sản xuất khẩu	90,91%	90,91%	90,91%

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại xanh	Khu công nghiệp Thốt Nốt, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.	Chế biến và bảo quản rau quả	44,44%	44,44%	44,44%

Đơn vị trực thuộc

Công ty có đơn vị trực thuộc là Nhà máy Chế biến Thức ăn thủy sản – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt, địa chỉ tại Khu công nghiệp Thốt Nốt, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4-2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4-2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4-2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4-2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4-2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất trả trước và sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 07

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4-2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05 - 11
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	06

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian có quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Vốn chủ sở hữu***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4-2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	355.906.520	572.405.840
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.144.131.796	9.926.572.983
Các khoản tương đương tiền	4.770.000.000	
Cộng	20.270.038.316	10.498.978.823

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4-2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****2. Phải thu ngắn hạn / dài hạn của khách hàng****a. Phải thu ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>199.300.000.000</i>	<i>59.783.066</i>
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	-	59.783.066
Công ty TNHH Đại Tây Dương	199.300.000.000	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>241.455.277.070</i>	<i>251.410.436.442</i>
Các khách hàng nước ngoài	199.493.085.599	248.951.358.038
Các khách hàng trong nước	41.962.191.471	2.459.078.404
Cộng	440.755.277.070	251.470.219.508

b. Phải thu dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>246.750.000.000</i>	-
Công ty TNHH Đại Tây Dương	246.750.000.000	-
Cộng	246.750.000.000	-

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>35.058.712.010</i>	-
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	35.058.712.010	-
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<i>83.413.830.927</i>	
Các nhà cung cấp nước ngoài	8.089.752.632	95.170.887
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	67.381.360.000	72.320.029.471
Các nhà cung cấp trong nước khác	7.942.718.295	9.710.151.789
Cộng	118.472.542.937	82.125.352.147

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn/dài hạn**4a. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Cho các bên liên quan vay</i>	<i>20.690.378.107</i>	-
Cho Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại xanh vay	7.840.378.107	-
Cho Công ty TNHH Đại Tây Dương vay	12.850.000.000	
<i>Cho các tổ chức và cá nhân khác vay</i>	<i>1.432.000.000</i>	<i>1.485.000.000</i>
Cho Bà Cao Thị Kim Thanh vay	932.000.000	950.000.000
Cho Bà Nguyễn Thảo Trang vay	500.000.000	500.000.000
Cho các tổ chức và cá nhân khác vay, mượn	-	35.000.000
Cộng	22.122.378.107	1.485.000.000

(*) Số dư nợ phải thu này đã quá hạn và Công ty đang trích lập dự phòng với tổng số tiền trích lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 500.000.000 VND (số đầu năm là 695.000.000 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4-2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	290.212.402	-	9.363.858.885	-
Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại xanh - Phải thu tiền lãi	218.516.920	-	5.386.832	-
Công ty TNHH Đại Tây Dương – Phải thu tiền lãi	45.509.722	-	-	-
Ông Doãn Chí Thiên - Tạm ứng	25.985.760	-	-	-
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương – Phải thu khác	200.000	-	-	-
Thành viên Hội đồng quản trị - Phải thu lại tiền đất chậm nộp	-	-	9.358.472.053	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	130.774.838.252	(635.046.029)	45.144.598.751	(269.400.682)
Tạm ứng	4.286.297.064	-	5.168.476.227	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	561.813.418	-	3.981.180.521	-
Tiền lãi cho vay	476.479.546	(386.008.712)	476.479.546	(269.400.682)
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược (*)	122.006.424.000	-	32.113.080.000	-
Ký quỹ cho hãng tàu để nhập hàng bị trả lại về	-	-	1.111.570.663	-
Ông Đỗ Thanh Xuân – Tiền cho mượn	704.737	-	1.454.798	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.443.119.487	(249.037.317)	2.292.356.996	-
Cộng	131.065.050.654	(635.046.029)	54.508.457.636	(269.400.682)

(*) Công ty cầm cố tiền gửi có kỳ hạn với tổng số tiền là 121.585.640.000 VND để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam và Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (số đầu năm là 31.700.000.000 VND đảm bảo cho khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong).

5b. Phải thu dài hạn khác

Ký quỹ, ký cược dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4-2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****6. Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu tiền bán hàng		41.307.621.584	1.410.991.982		48.701.040.658	18.648.218.670
	Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	752.895.000	527.026.500	Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	10.790.636.786	7.553.445.750
	Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	1.703.823.964	851.911.982	Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	4.757.975.000	2.378.987.500
	Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	106.845.000	32.053.500	Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	29.052.618.068	8.715.785.420
	Quá hạn trên 03 năm	38.744.057.620	-	Quá hạn trên 03 năm	4.099.810.804	-
Phải thu cho vay		500.000.000	-		1.450.000.000	755.000.000
	Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	-	-	Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	950.000.000	665.000.000
	Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	-	-	Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	-	-
	Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	-	-	Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	300.000.000	90.000.000
	Quá hạn trên 03 năm	500.000.000	-	Quá hạn trên 03 năm	200.000.000	-
Phải thu khác		832.247.141	197.201.112		476.479.546	207.078.864
	Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	-	-	Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	57.316.667	40.121.667
	Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	57.316.667	28.658.333	Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	281.833.333	125.758.333
	Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	561.809.262	168.542.779	Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	137.329.546	41.198.864
	Quá hạn trên 03 năm	213.121.212	-	Quá hạn trên 03 năm	-	-
Cộng		42.639.868.725	1.608.193.094		50.627.520.204	19.610.297.534

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	31.017.222.670	89.670.809.551
Trích lập dự phòng bổ sung	10.014.452.961	11.041.749.811
Xóa nợ	-	(69.695.336.692)
Số cuối kỳ	41.031.675.631	31.017.222.670

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4-2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	85.365.953.696	-	71.457.555.498	-
Nguyên liệu, vật liệu	106.282.118.577	-	79.696.037.650	-
Công cụ, dụng cụ	8.450.860.407	-	4.028.932.646	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	333.825.709.763	-	496.889.549.968	-
Thành phẩm	621.068.098.648	(268.405.509)	628.679.794.854	(1.660.540.609)
Hàng gửi đi bán	36.603.696.974	-	28.102.870.236	-
Cộng	1.191.596.438.065	(268.405.509)	1.308.854.740.852	(1.660.540.609)

Hàng tồn kho có trị giá 315.230.545.435 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.660.540.609	1.182.010.022
Trích lập dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng	(1.392.135.100)	478.530.587
Số cuối kỳ	268.405.509	1.660.540.609

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất	972.712.551	4.120.434.082
Công cụ dụng cụ	2.865.106.749	810.247.500
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.706.465.126	989.896.165
Cộng	8.544.284.426	5.920.577.747

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất	32.020.840.613	33.261.394.013
Công cụ dụng cụ	1.416.542.035	9.137.955.466
Chi phí sửa chữa	1.917.629.348	1.922.852.469
Các chi phí trả trước dài hạn khác	3.558.118.733	4.464.882.621
Cộng	38.913.130.729	48.787.084.569

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4-2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	145.576.677.423	246.275.546.118	19.420.846.323	7.480.551.611	418.753.621.475
Mua trong kỳ	152.627.273	3.418.470.809	3.116.782.727	1.059.270.015	7.747.150.824
Đầu tư XDCB hoàn thành	7.269.955.890	3.072.394.844	3.079.823.778	-	13.422.174.512
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	38.686.023.206	-	-	38.686.023.206
Thanh lý, nhượng bán	(439.612.797)	(7.525.013.720)	(1.369.581.980)	(1.155.156.459)	(10.489.364.956)
Số cuối kỳ	152.559.647.789	283.927.421.257	24.247.870.848	7.384.665.167	468.119.605.061
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	67.782.763.999	116.702.616.162	11.514.392.822	5.681.956.152	201.861.729.135
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	85.449.381.721	174.750.760.909	15.340.242.838	6.873.041.279	282.413.426.747
Khấu hao trong kỳ	8.553.829.613	29.741.016.046	1.697.174.779	933.316.184	40.925.336.622
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	20.897.534.860	-	-	20.897.534.860
Thanh lý, nhượng bán	(22.652.658)	(8.023.903.299)	(1.080.471.864)	(1.539.690.796)	(10.666.718.617)
Số cuối kỳ	93.980.558.676	217.365.408.516	15.956.945.753	6.266.666.667	333.569.579.612
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	60.127.295.702	71.524.785.209	4.080.603.485	607.510.332	136.340.194.728
Số cuối kỳ	58.579.089.113	66.562.012.741	8.290.925.095	1.117.998.500	134.550.025.449
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	105.686.422.688	8.910.686.546	114.597.109.234
Thuê tài chính trong kỳ	27.568.397.296	-	27.568.397.296
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(38.581.113.206)	-	(38.581.113.206)
Số cuối kỳ	94.673.706.778	8.910.686.546	103.584.393.324
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	32.898.591.726	1.357.326.325	34.255.918.051
Khấu hao trong kỳ	15.319.402.661	1.485.206.660	16.804.609.321
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(20.897.534.860)	-	(20.897.534.860)
Số cuối kỳ	27.320.459.527	2.842.532.985	30.162.992.512

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4-2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	72.787.830.962	7.553.360.221	80.341.191.183
Số cuối kỳ	67.353.247.251	6.068.153.561	73.421.400.812

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	215.296.802.325	361.998.100	215.658.800.425
Các chi phí liên quan chuyển nhượng QSDĐ đã kết chuyển tạm	94.135.455		94.135.455
Thanh lý, nhượng bán	(36.562.789)	-	(36.562.789)
Số cuối kỳ	215.354.374.991	361.998.100	215.716.373.091
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	361.998.100	361.998.100
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.599.608.683	361.998.100	1.961.606.783
Khấu hao trong kỳ	2.830.405.189	-	2.830.405.189
Số cuối kỳ	4.430.013.872	361.998.100	4.792.011.972
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	213.697.193.642	-	213.697.193.642
Số cuối kỳ	210.924.361.119	-	210.924.361.119
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 194.298.561.977 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Tiên Phong và để đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4-2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Dự án khu nuôi trồng thủy sản - Đất	88.428.481.477	5.440.953.555	-	(50.000.000)	93.819.435.032
Chi phí xây dựng các khu nuôi trồng thủy sản	18.870.653.034	14.438.360.379	(3.938.851.287)	(16.053.431.594)	13.316.730.532
Nhà máy chế biến thức ăn	2.554.566.509	9.458.806.031	(4.309.791.929)	(79.166.908)	7.624.413.703
Các hạng mục khác	157.842.032	7.208.604.027	(5.173.531.296)	(991.420.438)	1.201.494.325
Sửa chữa lớn tài sản cố định		101.392.814			101.392.814
Cộng	110.011.543.052	36.648.116.806	(13.422.174.512)	(17.174.018.940)	116.063.466.406

13. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm tiền gửi có kỳ hạn 05 tháng và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	39.499.104.000	(3.499.104.000)	39.499.104.000	(44.558.624)
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương ⁽ⁱ⁾	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-
Công ty TNHH Thủy sản Biên Đông ⁽ⁱⁱ⁾	3.499.104.000	(3.499.104.000)	3.499.104.000	(44.558.624)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	12.000.000.000	(5.202.036.516)	624.900.000.000	(67.876.418.118)
Công ty Cổ phần DAP số 2 - VinaChem ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	-	612.900.000.000	(66.292.897.256)
Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại xanh ^(iv)	12.000.000.000	(5.202.036.516)	12.000.000.000	(1.583.520.862)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	166.304.000.000	(17.912.371.829)	215.325.000.000	(17.468.819.930)
Ngân hàng TMCP Hàng Hải (MSB)	135.000.000.000	-	135.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng Không ^(v)	-	-	43.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ^(vi)	-	-	5.821.000.000	-
Công ty Cổ phần Cromit Cổ Định Thanh Hóa	20.304.000.000	(6.912.371.829)	20.304.000.000	(6.468.819.930)
Công ty Cổ phần Cromit Nam Việt	11.000.000.000	(11.000.000.000)	11.000.000.000	(11.000.000.000)
Cộng	217.803.104.000	(26.613.512.345)	879.724.104.000	(85.389.796.672)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5704000012 ngày 26 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương 36.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ 36.000.000.000 VND vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4-2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 521022000154 chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 06 tháng 5 năm 2015 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH Thủy sản Biển Đông là 4.824.000.000 VND, tương đương 90,91% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp 3.499.104.000 VND vốn điều lệ.
- (iii) Trong kỳ, Công ty đã bán toàn bộ số cổ phần của Công ty Cổ phần DAP số 2 – Vinachem.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 18013991357 ngày 03 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại xanh 12.000.000.000 VND, tương đương 44,44% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ 12.000.000.000 VND.
- (v) Trong kỳ, Công ty đã bán toàn bộ số cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng Không.
- (vi) Trong kỳ, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt hoàn trả toàn bộ vốn góp cho các thành viên theo Thông báo số 19/2016/CV-VCAM ngày 28 tháng 01 năm 2016, do giải thể Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết

Ngoại trừ Công ty TNHH Thủy sản Biển Đông kinh doanh bị lỗ nhiều, các công ty con và công ty liên kết còn lại đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	85.389.796.672	13.821.319.133
Hoàn nhập dự phòng/Trích lập dự phòng	(58.776.284.327)	71.568.477.539
Số cuối kỳ	26.613.512.345	85.389.796.672

Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương		
Bán thành phẩm, bao bì	205.111.921.080	217.204.053.633
Bán nguyên vật liệu	377.120.151	133.683.592
Chi phí gia công	355.086.086.086	311.891.911.733
Mua thành phẩm đông lạnh	-	89.632.000
Mua vật tư, nguyên liệu	94.085.054	29.850.235
Mua công cụ, dụng cụ	-	91.701.518
Chia cổ tức	29.000.000.000	10.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4-2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại xanh

Bán nguyên liệu, vật tư	17.296.381	676.111.363
Bán thành phẩm, bao bì	1.848.585.591	-
Cho vay	11.594.276.760	-
Vay	-	14.290.000.000
Lãi vay phải thu	391.553.031	-
Mua vật tư, công cụ dụng cụ	191.168.296	-

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	30.515.472.506
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	-	30.390.840.906
Công ty TNHH Đại Tây Dương	-	124.631.600
Phải trả các nhà cung cấp khác	205.866.534.104	192.911.256.913
Các nhà cung cấp trong nước	119.978.765.654	123.025.227.315
Các nhà cung cấp nước ngoài	85.887.768.450	69.886.029.598
Cộng	205.866.534.104	223.426.729.419

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các khách hàng khác	81.713.870.581	7.730.469.599
Các khách hàng trong nước	75.727.012.003	1.937.706.876
Các khách hàng nước ngoài	5.986.858.578	5.792.762.723
Cộng	81.713.870.581	7.730.469.599

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	840.282.255	(840.282.255)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	6.522.047.149	(6.522.047.149)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.891.086.208	-	11.701.015.900	(2.921.294.425)	11.670.807.683	-
Thuế thu nhập cá nhân	785.332.135	-	3.343.066.573	(3.306.549.884)	821.848.824	-
Thuế tài nguyên	4.301.000	-	49.347.650	(48.433.850)	5.214.800	-
Thuế môn bài	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
Thuế nhà đất	-	-	53.327.124	(53.327.124)	-	-
Cộng	3.680.719.343	-	22.513.086.651	(13.695.934.687)	12.497.871.307	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4-2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu	0%
- Cá nguyên liệu - Công ty tự nuôi bán tổ chức, cá nhân	Không chịu thuế
- Cá nguyên liệu - Công ty mua ngoài bán tổ chức	Không kê khai, tính thuế
- Cá nguyên liệu - Công ty mua ngoài bán cá nhân	5%
- Sản phẩm dịch vụ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Luật số 71/2014/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 thì thu nhập từ chế biến thủy sản được áp dụng thuế suất 15% từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 22%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	78.069.905.441	8.820.959.074
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	28.237.759.363	25.998.105.819
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.067.276.565)	(1.227.299.255)
Thu nhập chịu thuế	105.240.388.239	33.591.765.638
Thu nhập được miễn thuế	(33.437.147.313)	(12.302.878.800)
Lỗi các năm trước được chuyển	-	(6.926.829.035)
Thu nhập tính thuế	71.803.240.926	14.362.057.803
Trong đó:		
- Thu nhập được hưởng ưu đãi (thuế suất 15%)	53.796.810.053	3.836.664.410
- Thu nhập không được hưởng ưu đãi	18.006.430.873	10.525.393.393
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	11.670.807.683	2.891.086.208
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm trước	30.208.217	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	11.701.015.900	2.891.086.208

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4-2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế tài nguyênCông ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước với mức 5.000 VND/m³ x 8%.**Thuế nhà đất**

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Lương tháng 12, tháng 13 và các khoản còn phải trả nhân viên.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Chi phí lãi vay	1.221.526.106	1.288.170.937
Chi phí cước tàu	3.640.296.150	3.004.511.597
Chi phí hoa hồng môi giới	2.800.549.527	1.202.586.583
Chi phí kiểm nghiệm	465.572.000	298.051.000
Chi phí đào tạo	-	425.077.500
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	326.374.698	295.270.160
Cộng	8.454.318.481	6.513.667.777

19. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	24.771.933.491	57.952.612.078
Ông Doãn Tới - Cổ tức phải trả	9.547.556.891	41.152.674.950
Ông Doãn Chí Thiên - Cổ tức phải trả	15.224.376.600	15.224.376.600
Công ty TNHH Thủy sản Biển Đông - Mượn tiền	-	1.567.845.628
Công ty TNHH Đại Tây Dương - Phải trả khác	-	7.714.900
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân</i>	5.094.442.764	4.374.541.798
Tài sản thừa chờ giải quyết	753.108.540	900.141.786
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.483.077.550	1.125.214.572
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.453.901.400	1.453.901.400
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.404.355.274	895.284.040
Cộng	29.866.376.255	62.327.153.876

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4-2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	103.102.500.000	135.343.381.384
Vay Công ty TNHH Đại Tây Dương	-	10.635.022.384
Vay Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại xanh	-	2.490.000.000
Vay Ông Doãn Tới ^(a)	3.102.500.000	418.359.000
Vay Bà Dương Thị Kim Hương ^(b)	100.000.000.000	121.800.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.045.695.957.629	1.149.093.467.247
Vay ngắn hạn ngân hàng	978.301.253.265	1.082.856.179.746
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(c)	313.646.004.657	405.719.094.787
Vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	-	29.971.099.635
Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội ^(d)	91.068.840.000	37.964.240.000
Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(e)	73.609.680.410	171.539.816.222
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(f)	299.817.788.647	281.252.626.288
Chi nhánh Ngân hàng United Overseas Bank ^(g)	2.980.833.741	42.789.445.692
Vay Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam ^(h)	154.532.145.810	113.619.857.122
Vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam ⁽ⁱ⁾	2.645.960.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	48.725.000.000	40.875.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	18.669.704.364	25.362.287.501
Cộng	1.148.798.457.629	1.284.436.848.631

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- (a) Vay không có tài sản đảm bảo Ông Doãn Tới để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0%, thời hạn vay 12 tháng.
- (b) Vay không có tài sản đảm bảo Bà Dương Thị Kim Hương để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0%, thời hạn vay 12 tháng.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.11).
- (d) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ hàng hóa thành phẩm cá tra xuất khẩu của Công ty tại kho của Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương (xem thuyết minh số V.7).

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4-2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (e) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.11), tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.5a), các chứng khoán, cổ phiếu thuộc sở hữu của các thành viên Hội đồng quản trị, các chứng khoán, cổ phiếu thuộc sở hữu của Công ty TNHH Thanh Thiên.
- (f) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.11).
- (g) Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng United Overseas Bank để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty bảo lãnh.
- (h) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.5a) thuộc sở hữu của Công ty và được đảm bảo bằng việc thế chấp các chứng khoán, cổ phiếu thuộc sở hữu của các thành viên Hội đồng quản trị.
- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.5a).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.082.856.179.746	4.558.927.495.976	-	3.650.621.850	(4.667.133.044.307)	978.301.253.265
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	13.125.022.384	13.683.750.000	-	-	(26.808.772.384)	-
Vay ngắn hạn các cá nhân	122.218.359.000	61.495.000.000	-	-	(80.610.859.000)	103.102.500.000
Vay dài hạn đến hạn trả	40.875.000.000	-	45.750.000.000	-	(37.900.000.000)	48.725.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	25.362.287.501	7.769.859.840	18.532.236.478	153.468.080	(33.148.147.535)	18.669.704.364
Cộng	1.284.436.848.631	4.641.876.105.816	64.282.236.478	3.804.089.930	(4.845.600.823.226)	1.148.798.457.629

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4-2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	82.141.578.844
Vay Ông Doãn Tới	-	82.141.578.844
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	124.186.318.843	164.266.387.196
Vay dài hạn ngân hàng	102.375.000.000	148.125.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(a)	78.000.000.000	114.000.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(b)	24.375.000.000	34.125.000.000
Nợ thuê tài chính	21.811.318.843	16.141.387.196
Thuê tài chính Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu để mua máy móc thiết bị	11.136.881.912	4.137.663.420
Thuê tài chính Công ty TNHH cho thuê tài chính Chailease để mua máy móc thiết bị	881.174.727	2.879.810.963
Thuê tài chính Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để mua máy móc thiết bị	9.793.262.204	9.123.912.813
Cộng	124.186.318.843	246.407.966.040

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong để bù đắp chi phí đầu tư tài sản cố định nhà máy, máy móc thiết bị, vùng nuôi, thời hạn vay 60 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu của Công ty Cổ phần DAP số 2 – Vinachem thuộc sở hữu của Công ty TNHH Đại Tây Dương.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để đầu tư mở rộng vùng nuôi cá tra nguyên liệu, thời hạn vay 60 tháng. Số tiền vay được hoàn trả 06 tháng/lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.11).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	151.100.000.000	48.725.000.000	102.375.000.000	-
Vay dài hạn cá nhân	-	-	-	-
Nợ thuê tài chính	40.481.023.207	18.669.704.364	21.811.318.843	-
Cộng	191.581.023.207	67.394.704.364	124.186.318.843	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4-2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Số đầu năm**

Vay dài hạn ngân hàng	189.000.000.000	40.875.000.000	148.125.000.000	-
Vay dài hạn cá nhân	82.141.578.844	-	82.141.578.844	-
Nợ thuê tài chính	41.503.674.697	25.362.287.501	16.141.387.196	-
Cộng	312.645.253.541	66.237.287.501	246.407.966.040	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	148.125.000.000	-	-	-	(45.750.000.000)	102.375.000.000
Vay dài hạn cá nhân	82.141.578.844	-	-	(82.141.578.844)	-	-
Nợ thuê tài chính	16.141.387.196	24.117.337.274	190.514.821	(105.683.970)	(18.532.236.478)	21.811.318.843
Cộng	246.407.966.040	24.117.337.274	190.514.821	(82.247.262.814)	(64.282.236.478)	124.186.318.843

20c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	132.231.160	(13.600.000)	118.631.160
Quỹ phúc lợi	1.073.918.420	(419.312.602)	654.605.818
Cộng	1.206.149.580	(432.912.602)	773.236.978

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Doãn Tới	299.500.000.000	299.500.000.000
Ông Doãn Chí Thanh	90.000.000.000	90.000.000.000
Ông Doãn Chí Thiên	90.000.000.000	90.000.000.000
Các cổ đông khác	176.552.500.000	176.552.500.000
Cộng	656.052.500.000	656.052.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4-2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	66.000.000	66.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	66.000.000	66.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	66.000.000	66.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	394.750	394.750
- Cổ phiếu phổ thông	394.750	394.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	65.605.250	65.605.250
- Cổ phiếu phổ thông	65.605.250	65.605.250
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**23a. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	199.790,54	287.728,66
Euro (EUR)	3.645,79	2.467,30

23b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Khách hàng nước ngoài	7.610.520,76	143.669.376.927	7.606.056,56	143.569.199.745
Khách hàng trong nước		19.368.675.322		19.318.039.922
Cộng		163.038.052.249		162.887.239.667

Nguyên nhân xóa sổ: Nợ quá hạn thanh toán nhiều năm không thu hồi được.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Quý IV/2016</u>	<u>Quý IV/2015</u>
Doanh thu bán thành phẩm	755.376.000.460	682.697.701.130
Doanh thu bán nguyên liệu	556.746.008	675.899.576
Doanh thu khác	4.397.775.835	2.157.869.408
Cộng	760.330.522.303	685.531.470.114

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con và công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.14, Trong kỳ Công ty chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần của Công ty Cổ phần DAP số 2 – Vinachem cho Công ty TNHH Đại Tây Dương với số tiền: 546.750.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4-2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

(cùng kỳ năm trước chỉ có giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ với số tiền là 38.617.680 VND).

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý IV/2016	Quý IV/2015
Chiết khấu thương mại	432.865.000	-
Hàng bán bị trả lại	2.837.457.465	6.747.955.110
Giảm giá hàng bán	778.329.412	1.125.798.599
Cộng	4.048.651.877	7.873.753.709

3. Giá vốn hàng bán

	Quý IV/2016	Quý IV/2015
Giá vốn của thành phẩm đã bán	683.399.963.188	569.660.757.734
Giá vốn của nguyên liệu đã bán	558.612.000	659.678.629
Giá vốn khác	3.297.414.776	1.281.865.230
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.035.007.893)	922.653.732
Cộng	684.220.982.071	572.524.955.325

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý IV/2016	Quý IV/2015
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	2.659.712.746	1.109.336.761
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.583.741	13.908.684
Lãi tiền cho vay	287.906.642	3.874.018.173
Cổ tức, lợi nhuận được chia	29.000.000.000	10.000.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.112.281.671	4.308.601.453
Lãi bán hàng trả chậm	36.531.236	-
Cộng	36.113.016.036	19.305.865.071

5. Chi phí tài chính

	Quý IV/2016	Quý IV/2015
Chi phí lãi vay	18.428.257.908	21.414.778.815
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.324.587.925	5.998.203.084
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	3.834.533.711	-
Chi phí tài chính khác	-	58.583.789
Dự phòng đầu tư tài chính	3.007.641.163	66.813.108.929
Cộng	29.595.020.707	94.284.674.617

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4-2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****6. Chi phí bán hàng**

	Quý IV/2016	Quý IV/2015
Chi phí cho nhân viên	2.500.117.578	1.700.607.135
Chi phí vật liệu, bao bì	14.612.539	16.911.894
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	63.363.883	32.146.978
Chi phí kiểm hàng	1.830.216.125	2.348.522.154
Chi phí bốc hàng	2.486.480.769	3.516.145.379
Chi phí hoa hồng	8.256.139.476	6.172.373.185
Chi phí vận chuyển	16.815.330.067	18.298.922.046
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.359.367.131	5.472.748.782
Các chi phí khác	437.448.082	746.127.554
Cộng	37.763.075.650	38.304.505.107

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý IV/2016	Quý IV/2015
Chi phí cho nhân viên	9.282.065.527	8.972.307.628
Chi phí vật liệu quản lý	384.481.694	411.613.637
Chi phí đồ dùng văn phòng	88.308.214	306.099.633
Chi phí khấu hao tài sản cố định	348.492.474	195.068.392
Thuế, phí và lệ phí	1.357.212.430	1.851.053.997
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	6.619.185.707	389.278.334
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.084.167.475	1.126.785.981
Chi phí tiếp khách	570.692.234	442.261.253
Các chi phí khác	1.073.825.458	1.641.912.976
Cộng	20.808.431.213	15.336.381.831

8. Thu nhập khác

	Quý IV/2016	Quý IV/2015
Thu cho thuê	-	642.051.094
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	107.053.000	94.604.020
Xử lý công nợ tồn lâu	602.563.750	270.143.067
Thu nhập khác	122.666.416	203.035.006
Cộng	832.283.166	1.209.833.187

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4-2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí khác

	Quý IV/2016	Quý IV/2015
Chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình	20.501.250	-
Chi phí công cụ dụng cụ không sử dụng	6.875.000	24.958.828
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	12.166.300
Phạt vi phạm hợp đồng	92.865.081	-
Xử lý công nợ tồn lâu	54.925.052	33.750.000
Chi phí khác	(557.000.236)	121.897.116
Cộng	(381.833.853)	192.772.244

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Ông Doãn Tới		
Công ty đi vay	6.495.000.000	29.526.700.000
Công ty chia cổ tức	-	26.955.000.000
Bà Dương Thị Kim Hương		
Công ty đi vay	55.000.000.000	105.050.000.000
Ông Doãn Chí Thanh		
Công ty chia cổ tức	-	8.100.000.000
Tạm ứng	156.562.410	210.000.000
Ông Đỗ Lập Nghiệp		
Tạm ứng	-	20.000.000
Ông Doãn Chí Thiên		
Tạm ứng	90.000.000	85.670.000
Công ty chia cổ tức	-	8.100.000.000
Mua tài sản	1.600.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4-2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.5, V.19 và V.20.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	Công ty con
Công ty TNHH Thủy sản Biển Đông	Công ty con
Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại xanh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Thanh Thiên	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Cromit Nam Việt	Công ty cùng chủ đầu tư
Triple T Corporation (USA)	Công ty do con của chủ tịch HĐQT thành lập tại Hoa Kỳ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.14 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty chỉ phát sinh các giao dịch khác Công ty TNHH Đại Tây Dương như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty đi vay	13.683.750.000	12.615.000.000
Bán thành phẩm, bao bì, vật tư	144.508.304	40.638.034
Cho vay	13.850.000.000	
Lai cho vay	45.509.722	
Mua nguyên vật liệu	23.433.800	68.502.564
Chuyển nhượng cổ phần DAP số 2 – Vinachem	546.750.000.000	-
Thu hộ	5.893.346	8.087.278

Cam kết bảo lãnh

Công ty TNHH Đại Tây Dương dùng 60.750.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần DAP số 2 – VINACHEM thuộc sở hữu của mình để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong.

Ngoài ra, Công ty thế chấp Quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang để đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển (xem thuyết minh số V.11).

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4-2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.4, V.5, V.14, V.15, V.19 và V.20.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Quý IV/2016</u>	<u>Quý IV/2015</u>
Xuất khẩu	458.378.413.941	554.502.719.788
Trong nước	297.903.456.485	123.154.996.617
Cộng	756.281.870.426	677.657.716.405

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

2b. Lĩnh vực kinh doanh

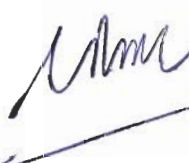
Hoạt động của Công ty chủ yếu chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất chế biến cá.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

An Giang, ngày 02 tháng 02 năm 2017


Huỳnh Thị Kim Thoa
Người lập biểu


Lê Tiến Dũng
Kế toán trưởng




Nguyễn Duy Nhứt
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 - 2016

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	660,000,000,000	611,965,459,100	(27,417,629,848)	61,766,524,375	1,306,314,353,627
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	5,929,872,866	5,929,872,866
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	(59,044,725,000)	(59,044,725,000)
Số dư cuối kỳ trước	660,000,000,000	611,965,459,100	(27,417,629,848)	8,651,672,241	1,253,199,501,493
Số dư đầu năm nay	660,000,000,000	611,965,459,100	(27,417,629,848)	8,651,672,241	1,253,199,501,493
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	66,368,889,541	66,368,889,541
Số dư cuối kỳ này	660,000,000,000	611,965,459,100	(27,417,629,848)	75,020,561,782	1,319,568,391,034

Huỳnh Thị Kim Thoa
Người lập biểu

Lê Tiến Dũng
Kế toán trưởng

An Giang, ngày 02 tháng 02 năm 2017

Phó Tổng Giám Đốc

Số : ...349.../CV-KTTC

Long Xuyên, ngày 02 tháng 02 năm 2017

Trích yếu: "Giải trình biến động lợi nhuận
Công ty mẹ quý IV/2016 so với cùng kỳ"

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ phần Nam Việt (mã chứng khoán: ANV) giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ như sau:

- Lợi nhuận sau thuế quý IV/2016: 21.776.632.609 đồng

- Lợi nhuận sau thuế quý IV/2015: -18.780.826.748 đồng

Tăng 40.557.459.357 đồng tương đương tăng 215,95%.

Nguyên nhân chủ yếu:

- Do trong quý IV/2015, công ty có ghi nhận số lỗ của Công ty Cổ phần DAP số 2 – Vinachem là 64.136.715.684 đồng. Nhưng đến quý III/2016, công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 40,5% cổ phần của Công ty Cổ phần DAP số 2 – Vinachem mà công ty nắm giữ nên đã hoàn nhập lại khoản lỗ này.

Công ty xin giải trình số liệu với quý cơ quan và cổ đông biết.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên

- Ban TGD

- Lưu VT

TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC


Nguyễn Duy Nhứt